

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư
phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC
KHOÁ XV KỲ HỌP THỨ 15**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 26/11/2014;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Trên cơ sở Tờ trình số 178/TTr-UBND ngày 23/11/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước cho cấp huyện giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Vĩnh Phúc; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và thảo luận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh Vĩnh Phúc như sau:

1. Nguyên tắc chung phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020

a) Nguyên tắc chung

- Việc bố trí vốn đầu tư công trung hạn nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển theo Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 của tỉnh, của cấp huyện và các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực đến năm 2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong đó ưu tiên cho phát triển hạ tầng kỹ thuật khung đô thị, hạ tầng xã hội, tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách nhà nước tỉnh quản lý và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác như hợp tác theo hình thức công - tư (PPP), vốn ODA cho vay lại và các nguồn vốn hợp pháp khác,...

- Việc phân bổ vốn đầu tư công phải tuân thủ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, nghị quyết của HĐND tỉnh và các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020.

- Kế hoạch đầu tư công phải đảm bảo tính công khai, minh bạch và công bằng, thống nhất mục tiêu, cơ chế, chính sách trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn. Không bố trí vốn cho chương trình, dự án không thuộc lĩnh vực đầu tư công.

- Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình, nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; dự án trọng điểm của tỉnh, chương trình, dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn thiết thực đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; không để phát sinh thêm nợ xây dựng cơ bản từ ngày 01/01/2015.

b) Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 theo các nguyên tắc chung quyết định tại Điểm a nêu trên và các nguyên tắc cụ thể sau đây:

- Các cấp, các ngành dự kiến phân bổ chi tiết 90% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn theo danh mục và mức vốn cho từng dự án, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt; dành lại dự phòng 10% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn của các cấp và ngành, lĩnh vực, trong đó bố trí đủ vốn cho công tác chuẩn bị đầu tư.

- Việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 nguồn ngân sách tỉnh theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Loại công trình do cấp huyện đầu tư theo danh mục phân cấp được UBND tỉnh phê duyệt.

+ Ưu tiên bố trí vốn cho dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư (PPP), đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

+ Ưu tiên thứ tự là bố trí cho những công trình hoàn thành trước ngày 31/12/2015 nhưng còn thiếu vốn, công trình chuyển tiếp của giai đoạn 2011-2015 chuyển sang giai đoạn 2016 - 2020;

+ Bố trí đủ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn của từng cấp, ngành, lĩnh vực, chương trình để thanh toán nợ đọng XDCB;

+ Phần còn lại mới bố trí cho các dự án khởi công mới, nhưng phải đáp ứng yêu cầu Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 154/NQ-HĐND ngày 22/12/2014 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, Nghị quyết số 155/NQ-HĐND ngày 22/12/2014 của HĐND tỉnh về ban hành tiêu chí dự án trọng điểm của tỉnh và dự án trọng điểm nhóm C.

2. Nguyên tắc xây dựng tiêu chí, định mức phân bổ vốn cho cấp huyện

a) Nguyên tắc:

- Phải bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

- Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương thực hiện cho giai đoạn 2016 - 2020.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các địa phương có số thu lớn, khu vực đô thị với việc ưu tiên các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn khác.

- Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

- Mức vốn bố trí trong kế hoạch năm 2016 tăng tối thiểu 20% so với mức vốn kế hoạch năm 2014.

- Vận dụng tối đa các tiêu chí của tỉnh được hưởng theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư:

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết) cho các huyện, thành, thị gồm 5 nhóm sau đây:

(1) Nhóm tiêu chí dân số, gồm 2 tiêu chí:

- Số dân của các huyện, thị xã, thành phố;
- Số người dân tộc thiểu số.

(2) Nhóm tiêu chí về trình độ phát triển, gồm 2 tiêu chí:

- Tỷ lệ hộ nghèo;
- Thu nội địa (không bao gồm khoản thu từ đất);

(3) Nhóm tiêu chí diện tích:

- Diện tích tự nhiên của các huyện, thị, thành phố;
- Diện tích đất lúa.

(4) Nhóm tiêu chí về đơn vị hành chính, bao gồm 2 tiêu chí:

- Số đơn vị hành chính cấp xã;
- Số xã miền núi.

(5) Nhóm tiêu chí bổ sung: Vùng kinh tế trọng điểm

c) Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể:

(1) Nhóm tiêu chí về dân số:

- Tiêu chí về dân số trung bình (cả tỉnh được 25,882 điểm):

$$Dsi = 25,882 \times (Dhi/DSvp)$$

Trong đó:

- + Dsi: Điểm theo tiêu chí dân số trung bình huyện thứ i
- + Dhi: Dân số trung bình huyện thứ i
- + DSvp: Dân số trung bình của tỉnh.

Dân số trung bình của tỉnh và các huyện, thành, thị lấy theo Niên giám thống kê năm 2014.

- Tiêu chí về số dân tộc thiểu số (cả tỉnh được: 1,74 điểm):

$$Dtsi = 1,74 \times (TSi/TSvp)$$

- + Dtsi: Điểm theo tiêu chí dân tộc thiểu số huyện thứ i
- + TSi: Số dân tộc thiểu số huyện thứ i
- + TSvp: Tổng số dân tộc thiểu số tỉnh Vĩnh Phúc.

Số người dân tộc thiểu số của các huyện, thành, thị được lấy theo số liệu công bố của Ban dân tộc năm 2014;

(2) Nhóm tiêu chí về diện tích:

- Điểm theo tiêu chí về diện tích tự nhiên (cả tỉnh được : 6 điểm):

$$DTi = 6 \times (DThi/DTvp)$$

- + DTi: Điểm theo tiêu chí diện tích huyện thứ i
- + DThi: Diện tích tự nhiên huyện thứ i
- + DTvp: Diện tích tự nhiên tỉnh Vĩnh Phúc.

Diện tích tự nhiên của các huyện, thành, thị được lấy theo số liệu thống kê của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2014.

- Điểm theo tiêu chí về tỷ lệ đất lúa trên tỷ lệ diện tích tự nhiên (cả tỉnh được 4,042 điểm).

$$DLi = 4,042 \times (DLhi/DLvp)$$

+ DLi: Điểm theo tiêu chí diện tích đất lúa huyện thứ i

+ DLhi: Diện tích đất lúa huyện thứ i

+ DLvp: Tổng diện tích đất lúa của tỉnh.

Diện tích đất lúa của các huyện, thành, thị được lấy theo số liệu Thống kê của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2014.

(3) Nhóm tiêu chí về đơn vị hành chính:

- Điểm theo tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã (Cả tỉnh được 9 điểm) :

$$Dxi = 9 \times (Dxhi/Dxvp)$$

+ Dxi: Điểm theo tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã huyện thứ i

+ Dxhi: Số xã huyện thứ i

+ Dxvp: Tổng số xã trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số liệu đơn vị hành chính cấp xã được lấy theo số liệu Niên giám thống kê năm 2014 hoặc số liệu do Sở Nội vụ cung cấp năm 2015.

- Điểm theo tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã miền núi (cả tỉnh được 3,0 điểm): Chia đều cho số xã miền núi trên toàn tỉnh.

$$Dmni = 3,0 \times (Xmni/Xmnpv)$$

+ Dmni: Điểm theo tiêu chí xã miền núi huyện i ;

+ Xmni: Số xã miền núi huyện thứ i ;

+ Xmnpv: Tổng số xã miền núi của cả tỉnh.

Số liệu đơn vị hành chính cấp xã miền núi được lấy theo số liệu do Sở Nội vụ cung cấp năm 2015.

(4) Nhóm tiêu chí trình độ phát triển :

- Điểm theo tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo (cả tỉnh được 4,2 điểm):

$$Dni = 4,2 \times (Hnhi/Hnvp)$$

- + Dni: Điểm theo tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo huyện thứ i ;
- + Hnhi: Số hộ nghèo huyện thứ i ;
- + Hnvp: Tổng số hộ nghèo của các huyện, thành, thị.

Số hộ nghèo các huyện, thành, thị được lấy theo số liệu công bố của Sở Lao động Thương binh và Xã hội năm 2014.

- Điểm theo tiêu chí số thu nội địa, được tính theo thang điểm như sau:
- Đến 100 tỷ đồng tính 3 điểm;
- Từ 100 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng, cứ tăng 100 tỷ tính 1 điểm;
- Từ 500 tỷ đồng đến 1000 tỷ đồng, cứ tăng 100 điểm tính 0,25 điểm;
- Từ 1000 tỷ đồng đến 10.000 tỷ đồng, cứ tăng 1000 tỷ đồng tính 0,175 điểm;
- Trên 10.000 tỷ đồng, cứ tăng 1000 tỷ đồng tính 0,1 điểm.

(Số thu nội địa không kể tiền đất được tính trên cơ sở dự toán thu năm 2015 trên địa bàn theo Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh).

(5) Nhóm tiêu chí bổ sung:

Vùng kinh tế trọng điểm (phát triển công nghiệp và du lịch): Mỗi địa phương có vùng kinh tế trọng điểm được cộng 0,5 điểm. Trong đó:

- Vùng trọng điểm công nghiệp giai đoạn 2016 - 2020: Vĩnh Yên, Phúc Yên, Tam Dương, Bình Xuyên;
- Vùng trọng điểm du lịch: Tam Đảo.

3. Xác định mức vốn đầu tư phát triển cho các huyện, thị

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thị và tổng số điểm của 9 huyện, thị làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

$$X_n = \frac{K}{Y} \times U_n$$

Trong đó:

X_n là tổng số vốn đầu tư giao cho các huyện, thị thứ n.

K là tổng số vốn đầu tư giao cho các huyện, thị.

Y là tổng số điểm của 9 huyện, thị.

U_n là tổng số điểm của huyện, thị thứ n.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này được áp dụng cho giai đoạn ngân sách 2016 - 2020.

2. HĐND giao UBND tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, HĐND tỉnh giao cho UBND tỉnh quyết định trên cơ sở thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

3. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá XV, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 12/12/2015 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, CP;
- VPVP, VPCP;
- Bộ: KH&ĐT, TC;
- Cục KTVB - Bộ tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể;
- TTHU, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành, thị;
- TTHĐND TP Vinh Yên, TX Phúc Yên
- CPVP, CV;
- Báo VP, Đài PTTH, Công TTĐT, Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hoàng Thị Thúy Lan